

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-10-2019

V/v Yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tân An.
2. Ông Nguyễn Mai Độ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Trần Cẩm Tú.

Trong ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Hồng P**, sinh năm 1975. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Khu vực N, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh **Bùi Hoàng C**, sinh năm 1973. *(Có đơn xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu vực D, phường V, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2019 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Trần Hồng P trình bày:

Vào năm 2010, chị và anh Bùi Hoàng C sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.

Cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh C hạnh phúc từ khi cưới đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình,

anh C không quan tâm gia đình nên vợ chồng thường hay cãi vã. Chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh C.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17/9/2019, bị đơn anh Bùi Hoàng C trình bày:

Anh và chị Trần Hồng P chung sống với nhau từ năm 2010. Cuộc hôn nhân do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình và bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường hay cãi nhau nên chị P đã làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị P. Nay anh đồng ý với yêu cầu của chị P về việc yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị P.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập đương sự hợp lệ đối với bị đơn anh Bùi Hoàng C để tham gia tố tụng tại Tòa án. Do anh C có đơn xin vắng mặt và vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 206 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn có đơn xin vắng mặt.
- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục: Tòa án đã thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công có tiến hành các thủ tục luật định. Do bị đơn có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị P và anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Hồng P và anh Bùi Hoàng C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, chị P có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị P và anh C. Do đó xác định quan hệ pháp luật là “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Bùi Hoàng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, anh C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh C đều thừa nhận sau một thời gian tìm hiểu và được gia đình hai bên tác hợp, anh chị đã tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị P, mâu thuẫn vợ chồng là do anh C không quan tâm gia đình dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Còn anh C thì cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn chủ yếu về kinh tế gia đình và bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường hay cãi nhau. Anh chị đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Điều này cho thấy tình cảm giữa chị P và anh C đã thật sự rạn nứt, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế, nay chị P yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh C, anh C đồng ý. Do chị P và anh C không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị P và anh C.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh C cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị P phải chịu số tiền 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 14, 51 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Hồng P.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Hồng P và anh Bùi Hoàng C.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Hồng P phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 010542 ngày 15/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành án phí (công nhận chị P đã nộp án phí xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế

